

UBND XÃ THANH NUA
PHÒNG KINH TẾ

Số: 48/TTr-KTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Nua, ngày 15 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ chính sách theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDDT- BLĐTBXH -BTCT, ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật từ tháng 9 đến hết tháng 12 năm 2025 trên địa bàn xã Thanh Nua

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Thanh Nua

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ vào báo cáo số 01/BC – HĐĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Báo cáo Kết quả thẩm định danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách theo ND 105/2020/ND-CP, TTLT số 42/2012/TTLT, Học kỳ I năm học 2025-2026(Từ tháng 9-12 năm 2025) ND 66/2025/ND-CP học kỳ II năm học 2024-2025 (Tháng 1-5 năm 2025) và Học kỳ I năm học 2025-2026(Tháng 9-12 năm 2025) trên địa bàn xã Thanh Nua.

Phòng kinh tế trình UBND xã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ chính sách theo Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật từ tháng 9 đến hết tháng 12 năm 2025 trên địa bàn xã Thanh Nua (Có biểu tổng hợp và danh sách kèm theo), cụ thể như sau:

Tổng số học sinh được hỗ trợ: 8 em.

Tổng số kinh phí: 59.904.000 đồng.

(Số tiền bằng chữ: Năm mươi chín triệu chín trăm linh tư nghìn đồng chẵn)

Phòng kinh tế kính trình UBND xã Thanh Nua xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo phòng KT;
- Lưu: VT, Kinh tế.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Đức Trụ

UBND XÃ THANH NỮA

PHÒNG KINH TẾ

**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC ĐỐI VỚI
NGƯỜI KHUYẾT TẬT THEO TT 42/2013/TTLT - BGDDT - BLĐTBCH
TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2025**

(Kèm theo TT số: 48 /TT-KT, ngày 15 tháng 10 năm 2025 của phòng Kinh tế xã Thanh Nứa)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Đơn vị	Số đối tượng được hưởng	Học bổng			Hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập(500.000/1 H kỳ/1HS)	Tổng kinh phí tăng thêm từ tháng 9-12 - 2025
			Mức hỗ trợ l người/tháng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí		
A	B	1	2	3	4=1x2x3	5	6
	Người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục công lập						
	TỔNG SỐ	8			59.904	-	59.904
I/	- CẤP TIỂU HỌC:	6	5.616		44.928	-	44.928
1	Trường TH Thanh Chấn	2	1.872	4	14.976		14.976
2	Trường TH Hua Thanh	3	1.872	4	22.464		22.464
3	Trường TH Thanh Hưng	1	1.872	4	7.488		7.488
II/	- CẤP THCS	2	1.872	4	14.976	-	14.976
1	Trường THCS Thanh Chấn	2	1.872	4	14.976		14.976

UBND XÃ THANH NÚA
PHÒNG KINH TẾ

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT THEO THÔNG TƯ SỐ 42/ 2013/TTLT-BGDĐT-
BLĐTBXH-BTC, NGÀY 31/12/2013 - TỪ THÁNG 09 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025

(Kèm theo TT số: 48 /TT-KT, ngày 15 tháng 10 năm 2025 của phòng Kinh tế xã Thanh Núa)

STT ĐV	ST T HS	Họ Và tên học sinh	Đối tượng	Lớp	Mức lương tối thiểu	Học bổng			Hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập(500.000/1H kỳ/1HS)		Tổng kinh phí từ T 09-12/ 2025
						Mức học bổng(80%/ 1/ tháng)	Thời gian hỗ trợ	Kinh phí	Số kỳ	Số tiền	
I/		Cấp Tiểu học						44.928.000		-	44.928.000
1		TH Thanh Chấn				-		14.976.000	-	-	14.976.000
1	1	Cà Văn Thắng	Hộ nghèo	4A3	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
2	2	Ngọc Thu Hà	Hộ nghèo	4A3	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
2		TH Hua Thanh				-		22.464.000	-	-	22.464.000
3	1	Ly A Thông	Hộ nghèo	2A4	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
4	2	Ly Thị Máng Nhi	Cận Nghèo	3A1	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
5	3	Giàng Thị Sơ	Hộ nghèo	3A4	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
3		TH Thanh Hưng				-		7.488.000	-	-	7.488.000
6	1	Lường Mạnh Quang	Hộ nghèo	5A2	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
II/		Cấp Trung học cơ sở						14.976.000		-	14.976.000
1		THCS Thanh Chấn				-		14.976.000	-	-	14.976.000
7	1	Nông Quốc Tuấn Anh	Hộ nghèo	7B3	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
8	3	Lường Mạnh Quý	Hộ nghèo	9D1	2.340.000	1.872.000	4	7.488.000			7.488.000
		Tổng cộng 2 cấp:						59.904.000	-	-	59.904.000